

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 18-01-2021

*V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Văn Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Quốc Huy và bà Phạm Thị Chuông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 280/2020/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/12/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐST-HNGĐ ngày 04/01/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Th, sinh năm 1982; Nơi ĐKKHKT: KDC Tử Lạc, phường Minh Tân, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương; địa chỉ nơi ở: Thôn Thiêm Khê, xã Liên Khê, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Chị Th có mặt.

2. Bị đơn: Anh Vũ Văn T, sinh năm 1979; địa chỉ: KDC Tử Lạc, phường Minh Tân, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 01/10/2020, các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn - chị Lê Thị Th trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Vũ Văn T tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, được UBND phường Minh Tân, thị xã Kinh Môn cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/02/2002. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hầu như không có hạnh phúc mà thường xuyên mâu thuẫn. Nguyên nhân là anh T hay đi chơi, rượu chè thâu đêm, không quan tâm đến gia đình. Mỗi lần uống rượu về lại chửi, đánh, bóp cổ chị, có lần chị tưởng như đã chết. Do nghĩ đến con cái nên chị lại cam chịu, nhưng anh T ngày càng quá đáng, đánh chị nhiều hơn. Tháng 12/2018, sau khi anh T dùng quạt điện đập vào đầu chị, không chịu đựng được,

chị đã về quê ở Thủy Nguyên, Hải Phòng sinh sống, ly thân với anh T cho đến nay. Anh T đến xin lỗi và đón chị về nhưng chị không về đoàn tụ vì chị xác định không thể tiếp tục sống chung với anh T mặc dù chị rất thương các con. Do đó, chị cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T.

- *Về con chung*: Chị xác định vợ chồng 03 con chung là cháu Vũ Thị MN, sinh ngày 04/10/2002 đã trưởng thành, chị không yêu cầu tòa án giải quyết; cháu Vũ Thị Tuyết T, sinh ngày 23/8/2005 và Vũ Văn Tài, sinh ngày 18/01/2011 hiện đều ở cùng anh T. Quan điểm của chị, sau khi vợ chồng ly hôn, các cháu muốn ở với bố hay mẹ thì tùy, nếu các cháu ở với chị thì chị cũng nhất trí và yêu cầu anh T cấp dưỡng theo quy định. Chị hiện là công nhân, Công ty TNHH giấy Thuận Phi, thu nhập từ 6 đến 7 triệu đồng/tháng.

- *Về tài sản, nợ chung*: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai, anh Vũ Văn T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn như nội dung chị Th trình bày trên. Theo anh, nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn là vợ chồng không hợp và một phần do kinh tế nợ nần dẫn đến cãi nhau. Ngày 01/10/2018 thì chị Th về nhà ngoại ở Thủy Nguyên, Hải Phòng sinh sống. Anh và người nhà anh đã hơn mười lần đến nói chuyện với gia đình chị Th để đón nhưng chị Th không về. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không quan trọng mà chủ yếu là đoàn tụ để nuôi con, còn chị Th muốn về đoàn tụ thì chị Th phải về nói chuyện, xin lỗi bên gia đình anh thì anh mới chấp nhận vì thời gian chị Th bỏ đi đã quá lâu và gia đình anh đã nhiều lần đến đón nhưng chị không về. Nếu chị Th cố tình ly hôn thì anh nhất trí ly hôn và anh xin được quyền trực tiếp nuôi cả 3 con chung là cháu: Vũ Thị MN, sinh năm 2002; Vũ Thị Tuyết T, sinh ngày 23/8/2005 và cháu Vũ Văn Tài, sinh ngày 18/01/2011. Anh yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con theo quy định, anh hiện là Công nhân của Công ty thép Tân Nguyên, thu nhập bình quân khoảng 8 triệu đồng/tháng.

- *Về tài sản, nợ chung*: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh, ông Trưởng khu dân cư cho biết: Anh T cùng 03 con hiện đang sinh sống tại nhà riêng của vợ chồng anh ở KDC Tử Lạc, phường Minh Tân, thị xã Kinh Môn. Quá trình chung sống, vợ chồng anh T, chị Th xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi vã, xô xát, ông đã trực tiếp hoà giải nhiều lần nhưng chỉ được một thời gian mâu thuẫn vợ chồng lại xảy ra nên chị Th đã về Hải Phòng, không chung sống cùng anh T.

Tại phiên họp công khai chứng cứ, phiên hòa giải ngày 23/10/2020, thể hiện chị Th vẫn yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn và việc nuôi con chung. Chị và anh T thống nhất thuận tình ly hôn và thống nhất sau khi ly hôn, giao cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 2 con chung là cháu Tuyết T và cháu Tài, chị Th tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng 01 triệu đồng/cháu đến khi con chung trưởng thành, cháu Vũ Thị MN, sinh ngày 04/10/2002 đã trưởng thành, không yêu cầu tòa án giải quyết. Anh T có mặt, trình bày ý kiến của mình nhưng anh T không ký biên bản với lý do chị Th ly hôn anh mà không nói gì với anh về việc ly hôn và anh muốn về hỏi ý kiến của con anh.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh T; để anh T tiếp tục nuôi cả 02 con chung là cháu Tuyết T và cháu Tài, hàng tháng chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cùng anh T, mỗi tháng 01 triệu đồng/cháu đến khi con chung trưởng thành.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng, bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung: Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Tòa án xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn cho chị Th ly hôn anh T theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Về con chung: Giao cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng cả 2 con chung là cháu Vũ Thị Tuyết T, sinh ngày 23/8/2005 và cháu Vũ Văn Tài, sinh ngày 18/01/2011 đến khi trưởng thành, chấp nhận sự tự nguyện của chị Th cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi tháng 01 triệu đồng/cháu theo quy định tại Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; cháu MN đã trưởng thành, đi học đại học nên không phải giải quyết; Về tài sản, nợ chung: Các bên không yêu cầu, nên không xem xét; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn và án phí do có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về Tố tụng:* Bị đơn – anh T có nơi đăng ký hộ khẩu tại phường Minh Tân, thị xã Kinh Môn, nên yêu cầu Ly hôn, tranh chấp về nuôi con của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, HĐXX xét xử vắng mặt anh T.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lê Thị Th và anh Vũ Văn T được tự do tìm hiểu, đủ điều kiện, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp.

[3] Căn cứ lời khai của nguyên đơn, bị đơn, biên bản xác minh có đủ cơ sở để xác định: Cuộc sống vợ chồng chị Th, anh T nhiều năm nay đã xảy ra mâu thuẫn, mỗi người khai nguyên nhân mâu thuẫn là khác nhau nhưng thực tế vợ chồng, không tôn trọng, quan tâm giúp đỡ nhau, nhiều lần xảy ra cãi vã, xô xát. Trưởng khu dân cư đã hòa giải nhiều lần nhưng chỉ được một thời gian mâu

thuần vợ chồng lại diễn ra. Từ tháng 12/2018 chị Th sống ly thân với anh T, không cùng nhau xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc. Như vậy là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị Th, xử cho chị Th ly hôn anh T là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] *Về con chung*: Xét cháu Tuyết T và cháu Tài có nguyện vọng ở cùng anh T, anh T xin tiếp tục nuôi cả 2 con chung. Chị Th nhất trí để anh T nuôi cả 2 con chung vì hiện chị không có chỗ ở mà phải thuê nhà trọ. Do đó, để đảm bảo sự phát triển tốt nhất, giữ ổn định cho việc học hành cũng như về nơi ăn chốn ở và tâm lý của các cháu, HĐXX thấy, sau khi vợ chồng ly hôn cần giao cả 2 cháu Vũ Thị Tuyết T, sinh ngày 23/8/2005 và cháu Vũ Văn Tài, sinh ngày 18/01/2011 cho anh T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành là phù hợp, cháu MN đã trưởng thành nên HĐXX không xem xét; chấp nhận sự tự nguyện của chị Th hàng tháng cấp dưỡng nuôi cháu Tuyết T và cháu Tài cùng anh T, mỗi tháng 01 triệu đồng/cháu theo quy định tại các điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Th, anh T đều không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Chị Th phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn và án phí do có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Chị Th, anh T có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Th.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Th ly hôn anh Vũ Văn T.

1.2. Về con chung: Giao con chung Vũ Thị Tuyết T, sinh ngày 23/8/2005 và Vũ Văn Tài, sinh ngày 18/01/2011 cho anh Vũ Văn T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Th hàng tháng cấp dưỡng nuôi 2 con chung, mỗi con 01 triệu đồng/tháng. Cháu Vũ Thị MN, sinh năm 2002 đã trưởng thành nên không phải giải quyết;

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho

đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2. Về án phí: Chị Lê Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 300.000 đồng án phí dân sự do có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương theo biên lai số AA/2018/0003926 ngày 05/10/2020, chị Th còn phải nộp 300.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn, bị đơn;
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- UBND P.Minh Tân, thị xã Kinh Môn;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- Lưu hồ sơ, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đào Văn Phúc

